

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC MÔNG KHÓA 3 NĂM 2024 (K3.24)

(Quyết định số 406 /QĐ-CĐSL ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CĐSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày 21/12/2024 đến ngày 20/04/2025

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 30/05/2025

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Ngần Thuý	An	04/11/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.2	Giỏi	C 00068315	14/C11/2025/202		
2	Giàng Thị	Chía	07/08/2003	Nữ	Mông	Sơn La	8.2	Giỏi	C 00068316	14/C11/2025/203		
3	Và A	Chớ	16/12/1997	Nam	Mông	Sơn La	7.1	Khá	C 00068317	14/C11/2025/204		
4	Nguyễn Thuý	Dung	10/05/1995	Nữ	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00068318	14/C11/2025/205		
5	Đình Minh	Đại	01/05/1976	Nam	Mường	Sơn La	7.1	Khá	C 00068319	14/C11/2025/206		
6	Sùng Thị	Đích	09/08/1988	Nữ	Mông	Sơn La	7.5	Khá	C 00068320	14/C11/2025/207		
7	Nguyễn Việt	Đức	04/10/1989	Nam	Kinh	Sơn La	7	Khá	C 00068321	14/C11/2025/208		
8	Mùa A	Giàng	16/05/1992	Nam	Mông	Sơn La	8	Giỏi	C 00068322	14/C11/2025/209		
9	Lò Thị	Hoài	25/09/2003	Nữ	Thái	Sơn La	7.6	Khá	C 00068323	14/C11/2025/210		
10	Nguyễn Thu	Hoài	10/06/1986	Nữ	Mường	Sơn La	7.2	Khá	C 00068324	14/C11/2025/211		
11	Lý Thị	Hồ	11/11/2003	Nữ	Mông	Sơn La	8.4	Giỏi	C 00068325	14/C11/2025/212		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTC Cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
12	Trần Thị Mai	Hồng	02/05/1978	Nữ	Kinh	Son La	7.2	Khá	C 00068326	14/C11/2025/213		
13	Phan Thị Thu	Huyền	28/04/1992	Nữ	Kinh	Son La	7.5	Khá	C 00068327	14/C11/2025/214		
14	Vàng Thị Thanh	Lan	07/12/2003	Nữ	Mông	Son La	8.2	Giỏi	C 00068328	14/C11/2025/215		
15	Đinh Thị Thu	Lệ	30/04/2002	Nữ	Mường	Son La	7.8	Khá	C 00068329	14/C11/2025/216		
16	Hà Thị Việt	Long	10/02/1991	Nữ	Thái	Son La	7.4	Khá	C 00068330	14/C11/2025/217		
17	Lộc Thái	Long	29/10/1990	Nam	Thái	Son La	7.2	Khá	C 00068331	14/C11/2025/218		
18	Lường Văn	Luân	14/07/1993	Nam	Lào	Son La	7.6	Khá	C 00068332	14/C11/2025/219		
19	Quảng Thị Hiền	Lương	17/03/2003	Nữ	Thái	Son La	7.4	Khá	C 00068333	14/C11/2025/220		
20	Trần Ngọc	Mai	12/08/1994	Nữ	Kinh	Son La	7.7	Khá	C 00068334	14/C11/2025/221		
21	Vì Thị Thuý	Ngân	29/04/2003	Nữ	Thái	Son La	7.8	Khá	C 00068335	14/C11/2025/222		
22	Đinh Thị	Nhiệt	03/06/2003	Nữ	Mường	Son La	7.7	Khá	C 00068336	14/C11/2025/223		
23	Lìa Thị	Páo	26/08/2001	Nữ	Mông	Son La	7.8	Khá	C 00068337	14/C11/2025/224		
24	Lê Đức	Quỳnh	13/03/1979	Nam	Kinh	Yên Bái	7.2	Khá	C 00068338	14/C11/2025/225		
25	Vì Thị	Tuyn	01/12/2003	Nữ	Xinh Mun	Son La	7.8	Khá	C 00068339	14/C11/2025/226		
26	Lò Thị	Thủy	16/08/2003	Nữ	Thái	Son La	7.4	Khá	C 00068340	14/C11/2025/227		
27	Phan Thị	Thủy	08/03/1983	Nữ	Kinh	Son La	7	Khá	C 00068341	14/C11/2025/228		
28	Nguyễn Thị Kiều	Trang	17/03/1992	Nữ	Kinh	Hà Nội	7.6	Khá	C 00068342	14/C11/2025/229		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTC Cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
29	Tềnh Lao	Trường	02/08/2002	Nam	Mông	Sơn La	8.3	Giỏi	C 00068343	14/C11/2025/230		
30	Mề Thị Thanh	Vân	15/02/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.3	Giỏi	C 00068344	14/C11/2025/231		

Danh sách gồm có 30 học viên./.

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long